

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----  
Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 11/01/2022

V/v “T/C Hôn nhân và gia đình ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

*Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:*

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Hà Minh Lực.

**Các Hội thẩm nhân dân:** - Ông Bùi Khắc Thái.  
- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 21/12/2021 về việc “Ly hôn”, giữa:

**Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị X, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Bản X, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình

**Bị đơn:** Ông Trần Văn C, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Bản M, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Bà X và ông C đều có đơn đề nghị xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 22/9/2021, bản tự khai và đề nghị xử vắng mặt ngày ngày 19/10/2021 bà X trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông C kết hôn với nhau vào ngày 13/10/2010 có

đăng ký tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi cưới ông, bà chung sống tại xã K. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cái tôi quá lớn nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân được hơn 03 năm, không ai quan tâm đến ai. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

*Về con chung:* Bà X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến ông C:** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2021 ông C trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông xác định đúng như bà X trình bày, ông và bà X đăng kí kết hôn vào ngày 13/10/2010 tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Nhưng không chung sống cùng nhà mà mỗi người ở nhà riêng của mình, trước đây thì ông vẫn đi về giữa hai nhà, nhưng nay ông già yếu không đi lại được nữa, ông muốn bà X về sống cùng nhà với ông, nhưng bà X không đồng ý, nên mỗi người sinh sống tại nhà riêng của mình. Bà X xin ly hôn, ông C nhất trí ly hôn và không yêu cầu Tòa án hòa giải với bà X, ông đề nghị Tòa án xử vắng mặt ông vì sức khỏe yếu không tiện đi lại.

*Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Ông và bà X không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ chung:* Ông xác định không có nên không yêu cầu giải quyết

**Tại Phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử của Thẩm phán và Thư ký:* Thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:* Áp dụng các Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa bà Đinh Thị X và ông Trần Văn C.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: bà Đinh Thị X phải chịu theo quy định là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa bà Đinh Thị X và ông Trần Văn C. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. *Về thủ tục tố tụng:* Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của bà Đinh Thị X. Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bà X đã nhận và chấp hành đầy đủ. Ông C xác nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên do sức khỏe yếu, không tiện đi lại nên ông không thể đến Tòa để giải quyết việc ly hôn được. Đến ngày 21/12/2021 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Từ lời khai của đương sự, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 25/11/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Bà X và ông C kết hôn vào ngày 13/10/2010 tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng ông, bà sống hạnh phúc được một thời gian phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Về pháp lý tuy ông bà là vợ chồng đã hơn 10 năm nhưng trên thực tế tình cảm của hai người không thực sự gắn bó với tình thương yêu lẫn nhau, dẫn đến hạnh phúc vợ chồng bà X và ông C không có, hai người đã sống ly thân nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn, vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà X đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông C là có căn cứ nên chấp nhận. (Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ).

3. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà X, ông C xác định không có con chung, nên không giải quyết.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Bà X, ông C xác định không có nên không giải quyết.

5. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Bà Đinh Thị X phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Áp dụng:* Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X. Xử lý hôn giữa bà Đinh Thị X và ông Trần Văn C.

2. *Về con chung:* Không có, không giải quyết.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung:* Không có, không giải quyết.

4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Bà Đinh Thị X phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà X đã nộp tại biên lai thu số AA/20/0003366 ngày 11/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm, Bà X và ông C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- UBND xã K..
- Dương sự
- Lưu/.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

***Hà Minh Lực***